

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2020/HNGĐ-ST

Ngày 08/7/2020

*“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung giữa anh Q - chị Tr”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hương.

2. Ông Nguyễn Văn Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Vũ Xuân Q, sinh năm 1981.

Địa chỉ: SN 29, tổ 2, thị trấn C, huyện P, tỉnh Thái Bình.

- **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1976

Đăng ký HKTT: Tổ 2, thị trấn C, huyện P, tỉnh Thái Bình.

Hiện đang chấp hành án tại: Đội tự phục vụ, phân trại số 02, Trại giam Thanh Phong, tỉnh Thanh Hóa.

(Tại phiên tòa có mặt anh Q, vắng mặt chị Tr do đang chấp hành án trong trại giam)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng biên bản ghi lời khai nguyên đơn là anh Vũ Xuân Q trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Tr tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C vào ngày 05/9/2003, sau khi kết hôn cả hai đều sinh sống tại thị trấn C, chị Tr làm giáo viên, anh lao động tự do. Trong quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Ngày 30/5/2018 chị Tr bị Công an tỉnh Thái Bình bắt giữ về hành vi “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và bị xử phạt 16 năm tù, hiện đang chấp hành án tại trại giam Thanh Phong, tỉnh Thanh Hóa. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị xin được ly hôn chị Tr.

- Về con chung: Anh Q khai vợ chồng có 02 con chung là Vũ Xuân Q2, sinh ngày 27/4/2005 và Vũ Quang M, sinh ngày 18/2/2014 hiện anh đang trực tiếp nuôi dưỡng, ly hôn xảy ra anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

-Về tài sản chung: Anh Q khai vợ chồng không có nợ chung và không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản.

Đối với bị đơn là chị Nguyễn Thị Tr, tại biên bản ghi lời khai do Tòa án tiến hành lấy lời khai đối với chị Tr tại trại giam Thanh Phong, về quan hệ hôn nhân chị xác nhận lời khai của anh Q về thời gian và điều kiện kết hôn, thời gian chung sống của vợ chồng, về nguyên nhân mâu thuẫn chị cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn. Chị đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng trở về đoàn tụ.

- Về con chung: Chị xác nhận vợ chồng có 02 con chung như anh Q đã khai, nếu ly hôn xảy ra chị đề nghị Tòa án giao 02 con chung cho anh Q nuôi dưỡng và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

- Về tài sản chung: Chị Tr đề nghị Tòa án tách phần tài sản chung khi nào có mặt và có yêu cầu chị sẽ đề nghị giải quyết sau.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình về giải quyết vụ án: Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn do đang chấp hành án trong trại giam, nhưng đã nhận được đầy đủ văn bản tố tụng của Tòa án và đã có lời khai do Tòa án tiến hành thu thập. Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị xử cho anh Q được ly hôn chị Tr, vì hai bên đã sống ly thân thời gian dài, mâu thuẫn đã trầm trọng; Về con chung: Xử giao 02 con chung cho anh Q được trực tiếp nuôi dưỡng, anh Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết. Anh Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Vũ Xuân Q khởi kiện ly hôn, nuôi con chung với chị Nguyễn Thị Tr. Chị Tr là bị đơn, đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 2, thị trấn C, huyện P, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân huyện P, thụ lý, giải quyết là đúng thẩm Q theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 và Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn hiện đang thụ án trong trại giam đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và lấy lời khai, bị đơn đã có ý kiến đề nghị xin được xét xử vắng

mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Vũ Xuân Q và chị Nguyễn Thị Tr được xác lập trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C vào ngày 05/9/2003 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn cả hai đều sinh sống tại thị trấn C, huyện P, trong quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Ngày 30/5/2018 chị Tr bị Công an tỉnh Thái Bình bắt giữ về hành vi “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và bị Tòa án tỉnh Thái Bình xử phạt 16 năm tù hiện đang chấp hành án tại trại giam Thanh Phong, tỉnh Thanh Hóa. Kể từ khi bị bắt giam cho đến thời điểm hiện tại, anh Q không thăm nom chị Tr và sống ly thân. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh Q làm đơn khởi kiện đề nghị xin được ly hôn chị Tr. Còn đối với chị Tr khi Tòa án tiến hành lấy lời khai tại trại giam, chị Tr đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng trở về đoàn tụ, nếu việc hòa giải không thành thì đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn của anh Q theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Q vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị xin được ly hôn, điều đó chứng tỏ cuộc sống tình cảm vợ chồng giữa anh Q và chị Tr đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần căn cứ vào Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh Q được ly hôn chị Tr là có căn cứ.

[4] Về con chung: Xét đề nghị của anh Q và chị Tr về nuôi dưỡng con chung cho thấy, 02 con chung hiện đang được anh Q trực tiếp nuôi dưỡng chu đáo kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Anh Q đề nghị xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, chị Tr có ý kiến nếu ly hôn xảy ra, do chị đang thụ án trong trại giam vì vậy đề nghị giao 02 con chung cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của anh Q được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5]Về tài sản chung: Anh Q và chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy phần tài sản Tòa án không xét.

[6]Về án phí và lệ phí tòa án: Anh Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]Về quyền kháng cáo: Anh Q và chị Tr có Q kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Xuân Q được ly hôn chị Nguyễn Thị Tr.

2/Về con chung: Xử giao 02 con chung Vũ Xuân Q2, sinh ngày 27/4/2005 và Vũ Quang M, sinh ngày 18/2/2014 cho anh Q được trực tiếp nuôi dưỡng, anh Q không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Tr có Q đi lại thăm nom con chung.

3/Về tài sản chung: Anh Q và chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/Về án phí: Anh Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền anh Q đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004330 ngày 17/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P thành tiền án phí.

5/Về Q kháng cáo: Anh Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Chị Tr có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình.*
- TAND tỉnh Thái Bình.*
- VKSND huyện P.*
- Chi cục THADS huyện P.*
- UBND thị trấn C.*
- Người tham gia tố tụng.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN MINH ĐỨC